SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
Số: 1541 /QĐ-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hưng Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua hóa chất, sinh phẩm y tế tháng 11 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP và Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-SYT ngày 26/01/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 1245/UBND-KGVX ngày 13/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, sinh phẩm y tế; Công văn số 1373/SYT-KHTC ngày 16/3/2026 của Sở Y tế về việc mua sắm vật tư, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-BV ngày 20/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật, nội dung và kinh phí mua sắm cho dự toán mua sắm: "Mua hóa chất, sinh phẩm y tế tháng 11 năm 2026";

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-BV ngày 22/10/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên về việc thành lập Tổ tư vấn mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa dịch vụ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Tổ tư vấn mua sắm);

Theo đề nghị của Tổ tư vấn mua sắm tại Tờ trình số 109/TTr-TTV ngày 20/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua hóa chất, sinh phẩm y tế tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: "Mua hóa chất, sinh phẩm y tế tháng 11 năm 2026" với nội dung chi tiết theo các phụ lục đính kèm, cụ thể:

- Tổng giá trị các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 3.749.031.491 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng), gồm 04 gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn;

- Phụ lục 1: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Phụ lục 2: Danh mục các phần thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Gói số 01 đến Gói số 04);

- Phụ lục 3: Danh mục hàng hóa chi tiết; (Gói số 01 đến Gói số 04)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ tư vấn mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa dịch vụ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên, khoa Dược, Phòng Tài chính kế toán, các khoa, phòng và bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTVMS, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HƯNG YÊN

Đỗ Chí Phong

PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: Mua hóa chất, sinh phẩm y tế tháng 11 năm 2026

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 01: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch	Cung cấp hóa chất, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát và vật tư dùng cho xét nghiệm miễn dịch trên hệ thống Access (Beckman Coulter), Elecsys/cobas (Roche) và vật liệu nội kiểm miễn dịch độc lập (gồm 54 phần tương ứng với 54 mặt hàng, chi tiết theo Phụ lục 2, Phụ lục 3)	1.486.065.441	Từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế, kinh phí chi trả của người bệnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến rút gọn; trong nước; qua mạng	-	30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	04 tháng	Không áp dụng
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 02: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa, điện giải và phụ kiện máy	Cung cấp hóa chất, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát, điện cực và phụ kiện dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa, điện giải (gồm 37 phần tương ứng với 37 mặt hàng, chi tiết theo Phụ lục 2, Phụ lục 3)	1.286.794.600	Từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế, kinh phí chi trả của người bệnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến rút gọn; trong nước; qua mạng	-	30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	04 tháng	Không áp dụng
3	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 03: Mua hóa chất huyết học, đông máu, que thử nước tiểu	Cung cấp hóa chất xét nghiệm huyết học, đông máu và hóa chất, que thử xét nghiệm nước tiểu (gồm 18 phần tương ứng với 18 mặt hàng, chi tiết theo Phụ lục 2, Phụ lục 3)	629.731.450	Từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế, kinh phí chi trả của người bệnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến rút gọn; trong nước; qua mạng	-	30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	04 tháng	Không áp dụng
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 04: Mua test nhanh chẩn đoán và test khí máu, điện giải	Cung cấp test nhanh chẩn đoán và test xét nghiệm khí máu, điện giải trên hệ thống Epocal (gồm 10 phần tương ứng với 10 mặt hàng, chi tiết theo Phụ lục 2, Phụ lục 3)	346.440.000	Từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế, kinh phí chi trả của người bệnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến rút gọn; trong nước; qua mạng	-	30 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	04 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**3.749.031.491**	*(Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng)*							

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC PHẦN THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: Mua hóa chất, sinh phẩm y tế tháng 11 năm 2026

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
				1	Phần 1. Hóa chất định lượng xét nghiệm AFP	19.555.200	04 tháng
				2	Phần 2. Hóa chất định lượng CA 15-3	9.586.500	04 tháng
				3	Phần 3. Hóa chất định lượng xét nghiệm CEA	28.677.600	04 tháng
				4	Phần 4. Hoá chất chuẩn cho xét nghiệm CEA	4.888.800	04 tháng
				5	Phần 5. Định lượng Cortisol	22.814.400	04 tháng
				6	Phần 6. Chất chuẩn Cortisol	3.475.584	04 tháng
				7	Phần 7. Định lượng ferritin	5.229.000	04 tháng
				8	Phần 8. Hoá chất chuẩn cho xét nghiệm Ferritin	3.259.368	04 tháng
				9	Phần 9. Chất chuẩn Free T4	3.260.250	04 tháng
				10	Phần 10. Chất kiểm tra cho xét nghiệm HBsAg	6.521.760	04 tháng
				11	Phần 11. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg)	5.737.473	04 tháng
				12	Phần 12. Chất kiểm tra xét nghiệm HCV	6.287.190	04 tháng
				13	Phần 13. Hóa chất định lượng hsTnI	161.805.000	04 tháng
				14	Phần 14. Chất chuẩn cho xét nghiệm hsTnI	2.516.850	04 tháng
				15	Phần 15. Định lượng total PSA	17.602.200	04 tháng
				16	Phần 16. Chất chuẩn cho xét nghiệm PSA	2.945.250	04 tháng
				17	Phần 17. Giếng phản ứng dòng máy Access 2	19.592.160	04 tháng
				18	Phần 18. Hoá chất chuẩn cho xét nghiệm CA 125	5.216.400	04 tháng
				19	Phần 19. Cơ chất phát quang	129.729.600	04 tháng
				20	Phần 20. Dung dịch kiểm tra máy	1.632.960	04 tháng
				21	Phần 21. Hóa chất định lượng Total T3	52.147.200	04 tháng
				22	Phần 22. Chất chuẩn Total T3	4.238.640	04 tháng
				23	Phần 23. Hóa chất định lượng TOTAL βhCG	9.126.600	04 tháng
				24	Phần 24. Hóa chất định lượng TSH	46.947.600	04 tháng
				25	Phần 25. Chất chuẩn cho xét nghiệm TSH	2.614.500	04 tháng
				26	Phần 26. Dung dịch rửa máy Access 2	53.071.200	04 tháng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 01: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch	1.486.065.441	27	Phần 27. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	1.223.775	04 tháng
				28	Phần 28. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	1.223.775	04 tháng
				29	Phần 29. Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	18.832.671	04 tháng
				30	Phần 30. Dung dịch pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch	1.713.285	04 tháng
				31	Phần 31. Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	7.930.062	04 tháng
				32	Phần 32. Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	293.706.000	04 tháng
				33	Phần 33. Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125	7.709.783	04 tháng
				34	Phần 34. Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3	7.709.783	04 tháng
				35	Phần 35. Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9	7.709.783	04 tháng
				36	Phần 36. Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	8.811.180	04 tháng
				37	Phần 37. Thuốc thử xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	6.118.875	04 tháng
				38	Phần 38. Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	8.811.180	04 tháng
				39	Phần 39. Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	16.961.523	04 tháng
				40	Phần 40. Thuốc thử xét nghiệm định lượng HCG, beta-HCG	12.115.374	04 tháng
				41	Phần 41. Thuốc thử xét nghiệm định lượng NTproBNP	306.936.000	04 tháng
				42	Phần 42. Chất phụ gia cho bình chứa nước cất cho máy phân tích miễn dịch	5.477.616	04 tháng
				43	Phần 43. Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine (T3) toàn phần	16.153.830	04 tháng
				44	Phần 44. Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	16.153.830	04 tháng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
				45	Phần 45. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin T tim	55.440.000	04 tháng
				46	Phần 46. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	1.223.775	04 tháng
				47	Phần 47. Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T	882.000	04 tháng
				48	Phần 48. Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch	1.468.530	04 tháng
				49	Phần 49. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP	1.323.000	04 tháng
				50	Phần 50. Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	22.701.926	04 tháng
				51	Phần 51. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	1.248.250	04 tháng
				52	Phần 52. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T tim	1.102.500	04 tháng
				53	Phần 53. Chất kiểm chứng hãng thứ 3 cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	6.435.450	04 tháng
				54	Phần 54. Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức	20.462.400	04 tháng
				1	Phần 1. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	1.800.000	04 tháng
				2	Phần 2. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	15.248.000	04 tháng
				3	Phần 3. Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	9.020.000	04 tháng
				4	Phần 4. Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	1.250.000	04 tháng
				5	Phần 5. Thuốc thử xét nghiệm Alkaline phosphate	2.952.600	04 tháng
				6	Phần 6. Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	12.105.000	04 tháng
				7	Phần 7. Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	2.705.000	04 tháng
				8	Phần 8. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	75.075.000	04 tháng
				9	Phần 9. Thuốc thử xét nghiệm định lượng C - reactive protein (CRP)	113.385.000	04 tháng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 02: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm sinh hóa, điện giải và phụ kiện máy	1.286.794.600	10	Phần 10. Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng C - Reactive Protein (CRP) mức cao	4.950.000	04 tháng
				11	Phần 11. Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng C - Reactive Protein (CRP) mức thấp	4.950.000	04 tháng
				12	Phần 12. Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C - reactive protein (CRP)	10.500.000	04 tháng
				13	Phần 13. Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	34.430.000	04 tháng
				14	Phần 14. Điện cực Cl- dùng cho máy AU	59.169.600	04 tháng
				15	Phần 15. Điện cực K+ dùng cho máy AU	60.410.700	04 tháng
				16	Phần 16. Điện cực Na+ dùng cho máy AU	59.169.600	04 tháng
				17	Phần 17. Thuốc thử xét nghiệm Gamma-GT	18.920.000	04 tháng
				18	Phần 18. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	53.625.000	04 tháng
				19	Phần 19. Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	65.100.000	04 tháng
				20	Phần 20. Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	6.615.000	04 tháng
				21	Phần 21. Chất hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c	11.310.000	04 tháng
				22	Phần 22. Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	10.000.000	04 tháng
				23	Phần 23. Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	68.844.000	04 tháng
				24	Phần 24. Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HDL/LDL Cholesterol	2.515.000	04 tháng
				25	Phần 25. Chất đệm xét nghiệm Modul ISE	6.048.000	04 tháng
				26	Phần 26. Chất chuẩn điện giải mức giữa	38.640.000	04 tháng
				27	Phần 27. Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	4.095.000	04 tháng
				28	Phần 28. Đo hoạt độ LDH	2.200.000	04 tháng
				29	Phần 29. Chất chuẩn xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	1.600.000	04 tháng
				30	Phần 30. Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol	256.500.000	04 tháng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
				31	Phần 31. Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	54.576.000	04 tháng
				32	Phần 32. Bóng đèn	12.213.300	04 tháng
				33	Phần 33. Ống dây bơm	15.826.800	04 tháng
				34	Phần 34. Cóng đựng mẫu dùng cho máy phân tích sinh hóa	7.500.000	04 tháng
				35	Phần 35. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	49.950.000	04 tháng
				36	Phần 36. Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	127.616.000	04 tháng
				37	Phần 37. Thuốc thử chẩn lượng Uric acid	5.980.000	04 tháng
3	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 03: Mua hóa chất huyết học, đông máu, que thử nước tiểu	629.731.450	1	Phần 1. Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	24.360.000	04 tháng
				2	Phần 2. Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	10.395.000	04 tháng
				3	Phần 3. Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	50.400.000	04 tháng
				4	Phần 4. Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	29.610.000	04 tháng
				5	Phần 5. Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	112.480.000	04 tháng
				6	Phần 6. Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	65.420.000	04 tháng
				7	Phần 7. Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	78.504.000	04 tháng
				8	Phần 8. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	36.000.000	04 tháng
				9	Phần 9. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	13.100.000	04 tháng
				10	Phần 10. Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	1.980.000	04 tháng
				11	Phần 11. Thuốc thử xét nghiệm định lượng APTT	11.330.000	04 tháng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
				12	Phần 12. Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động	2.927.400	04 tháng
				13	Phần 13. Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer, theo phương pháp miễn dịch latex trên máy phân tích đông máu	68.635.350	04 tháng
				14	Phần 14. Hóa chất dùng để pha loãng trên hệ thống phân tích đông máu	1.497.300	04 tháng
				15	Phần 15. Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss trên máy phân tích đông máu	18.299.400	04 tháng
				16	Phần 16. Thuốc thử xét nghiệm định lượng PT	18.873.000	04 tháng
				17	Phần 17. Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động	1.720.000	04 tháng
				18	Phần 18. Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	84.200.000	04 tháng
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	Gói số 04: Mua test nhanh chẩn đoán và test khí máu, điện giải	346.440.000	1	Phần 1. Test nhanh HIV 1/2	70.000.000	04 tháng
				2	Phần 2. test urease chuẩn đoán nhanh H.Pylori	13.350.000	04 tháng
				3	Phần 3. khay/thẻ thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana	10.500.000	04 tháng
				4	Phần 4. Khay thử xét nghiệm định tính virus viêm gan C	21.600.000	04 tháng
				5	Phần 5. Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên virus NS1 virus Dengue	37.380.000	04 tháng
				6	Phần 6. Khay xét nghiệm định tính kháng nguyên virus viêm gan B HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương người	4.410.000	04 tháng
				7	Phần 7. khay thử xét nghiệm định tính HbsAg	27.600.000	04 tháng
				8	Phần 8. Khay thử xét nghiệm định tính morphin	1.500.000	04 tháng
				9	Phần 9. Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên virus cúm A/B	58.250.000	04 tháng
				10	Phần 10. Test nhanh xác định khí máu + điện giải	101.850.000	04 tháng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Số phần	Tên các phần (lô)	Giá từng phần (lô) (VNĐ)	Thời gian thực hiện
Tổng cộng			**3.749.031.491**			**3.749.031.491**	